TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B T
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:02/2022/DS-ST
Ngày18-01- 2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B T TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Huyền

2.Ông Lương Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thiên Bảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B T tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 18tháng 01năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2021/TLST-DS ngày 07/10/2021về vụ án: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/QĐXX-ST ngày 03/12/2021và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021giữa;

Nguyên đơn: Chị Tào Thị H; Sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn M D, xã Đ T, huyện B T, tỉnh T H.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th; Sinh năm 1981 (có mặt) và chồng là anh Nguyễn Đăng H1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn M D, xã Đ T, huyện B T, tỉnh T H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Tào Thị H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên chị Nguyễn Thị Th và chồng là anh Nguyễn Đăng H1 có hỏi vay của chị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Nhưng ngày 22/05/2019 chị H mới có 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) nên

chị Th viết giấy vay tiền ngày 22/5/2019 nội dung vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền là 01 năm. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2% một tháng.Chị Th là người viết giấy vay tiền, anh H1 và chị Th đều ký. Đến ngày 26/6/2019 chị Th là người đến lấy thêm 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Chị Th viết tiếp nội dung vay vào phía dưới của giấy vay ngày 22/5/2019.

Ngày 01/01/2020 Chị Th vay chị H 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) chị Th tự viết giấy vay tiền và ký. Số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) khi vay chị Th nói vợ chồng cùng bàn bạc thống nhất vay nên chị H đã cho chị Th vay.

Đến ngày 17/12/2020 anh H1 đến trả được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) chị H trừ vào tiền gốc của giấy vay tiền ngày 22/5/2019.

Đến hạn trả nợ chị H đã hỏi nợ nhiều lần nhưng anh H1 và chị Th khất nợ. Nay chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Th và anh H1 có trách nhiệm trả gốc là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Lãi chị Hà tính từ ngày 01/01/2020 đến 17/12/2020 là 380.000.000đ x1% x 11 tháng 17 ngày =41.800.000đ + 2.153.000đ = 43.953.000đ.

Lãi của 330.000.000đ từ 18/12/2020 đến 18/01/2022 là 13 tháng bằng

330.000.000đ x1% x 13 tháng = 42.900.000đ.

Tổng tiền lãi là 42.900.000đ + 43.953.000đ = 86.853.000đ

Tổng cả gốc là lãi là 330.000.000đ + 86.853.000đ = 416.853.000đ.

Yêu cầu trả một lần, vì đã đến nay và đã khất nợ nhiều lần.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th trình bày tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án. Chị và anh H có đến vay của chị Hà 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Sau đó mình chị Th đến vay thêm 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là viết cùng vào một giấy vay tiền. Số tiền chị Th vay với chị H 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) là viết giấy riêng. Sau đó anh H1 trả trực tiếp được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Nay tổng số tiền gốc chị Th và anh H1 nợ gia đình chị H là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị Th khó khăn không thể trả một lúc.

Quá trình làm việc tại Tòa án anh Nguyễn Đăng H1 trình bày: Anh H1 có đi cùng chị Th đến vay trực tiếp và nhận tiền từ chị H 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) vào ngày 22/5/2019 thỏa thuận thời hạn vay 01 năm. Đến ngày 17/12/2020 anh H1 có trả cho chị H 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) trừ vào gốc và anh H1 chụp giấy chị Th ký vay của chị H ngày 01/01/2020 là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Lâu nay, kinh tế gia đình do chị

Th trực tiếp chi tiêu. Tuy nhiên thực chất chị Th cũng chỉ lo làm ăn kinh tế gia đình không may đổ bể chứ không phải ham chơi vì bản thân nên anh cũng sẽ có trách nhiệm cùng với chị Th lo trả nợ. Nhưng do vợ chồng khó khăn nên chưa thể trả được và xin trả dần cho chị H, một lúc thì không thể có tiền trả.

Tại phiên tòa chị Tào Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày ngày 22/5/2019 chị Th và anh H đến vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) đến ngày 26/6/2019 chị Th đến vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và ngày 01/01/2020 chị Th vay 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Đến ngày 01/01/2020 tổng số tiền anh H1 và chị Th nợ chị H là 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng). Đến ngày 17/12/2020 anh H1 đến trả được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Lãi thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Từ ngày vay đến nay chị Th mới trả lãi một lần vào ngày08/7/2021 là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Nay chị H khởi kiện chỉ yêu cầu trả lãi 1%/tháng từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm xét xử 18/01/2022.

Như vậy tổng tiền lãi là 86.853.000đ – 1.350.000đ = 85.503.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi vợ chồng chị Th và anh H1 có trách nhiệm trả cho chị H là 330.000.000đ + 85.503.000đ = 415.503.000đ (Bốn trăm mươi lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Thủy công nhận còn nợ của chị Hà 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng) như chị H trình bày là đúng. Tiền lãi chị Th mới trả được một lần vào ngày 08/7/2021 chị Th cho chuyển khoản trả tiền lãi là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Nay chị Th xin toàn bộ tiền lãi và tiền gốc cho chị trả dần. Thực tế gia đình chị không có khả năng trả một lần.

-Anh Nguyễn Đăng H1 đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử thẩm phán, thư ký và HĐXX tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng và ban hành các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung giải quyết vụ án căn cứ: Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc đồng bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ tiền gốc

và lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng bị đơn liên đới chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa anh H1 không đến tham gia phiên tòa. Toà án đã tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", vay có thời hạn và có lãi.

[3] *Về nội dung vụ án*: Đây là hợp đồng vay (tiền mặt) có thời hạn và có lãi. Các đương sự đều công nhận số tiền gốc chị Th và anh H1 còn nợ chị Tào Thị H là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng). HĐXX nhận định có căn cứ xác định số tiền vợ chồng anh H1 và chị Th vay nợ của chị H gốc là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng) về sử dụng vào mục đích kinh doanh làm ăn, lo kinh tế gia đình. Không may thua lỗ nên không trả nợ theo thỏa thuận. Lãi bị đơn mới trả cho nguyên đơn được 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Hà yêu cầu tính lãi là 1%/tháng phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên có có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền gốc là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Lãi chị H tính từ 01/01/2020 đến 17/12/2020 là 380.000.000đ x 1% x 11 tháng 17 ngày = (380.000.000đ x1% x 11) + (380.000.000đ x 1% : 30 (ngày trên tháng) x 17 ngày) = 41.800.000đ + 2.153.000đ = 43.953.000đ.

Lãi của 330.000.000đ từ 18/12/2020 đến 18/01/2022 là 13 tháng bằng

330.000.000đ x 1% x 13 tháng = 42.900.000đ.

Tổng tiền lãi là 42.900.000đ + 43.953.000đ – 1.350.000đ = 86.853.000đ – 1.350.000đ = 85.503.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

Tổng cả gốc là lãi là 330.000.000đ + 85.503.000đ = 415.503.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

Bị đơn xin tiền lãi và xin trả dần tiền gốc, nguyên đơn yêu cầu trả một lần tiền gốc và lãi. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Về trách nhiệm trả nợ: Số tiền anh H1 và chị Th vay của chị Tào Thị H trong thời kỳ hôn nhân vì vậy được xác định là khoản nợ chung. Hai vợ chồng anh H1 và chị Th phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ cho chị H1 gốc gốc là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Lãi chị H tính từ 01/01/2020 đến 17/12/2020 là 380.000.000đ x 1% x 11 tháng 17 ngày. Lãi của 330.000.000đ từ 18/12/2020 đến 18/01/2021 là 13 tháng trừ đi tiền lãi đã trả là 1.350.000đ.

Tổng tiền lãi là 42.900.000đ + 43.953.000đ - 1.350.000đ = 85.503.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi là 330.000.000đ + 85.503.000đ =415.503.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải trả nợ và hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng:

- Căn cứ áp dụng: Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tào Thị H.

Về yêu chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đăng H1 liên đới có trách nhiệm trả cho chị Tào Thị H số tiền gốc gốc là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Lãi chị H tính từ 01/01/2020 đến 17/12/2020 là 380.000.000đ x 1% x 11 tháng 17 ngày = 41.800.000đ + 2.153.000đ = 43.953.000đ.

Lãi của 330.000.000đ từ 18/12/2020 đến 18/01/2021 là 13 tháng bằng

330.000.000đ x1% x 13 tháng = 42.900.000đ.

Tổng tiền lãi là 42.900.000đ + 43.953.000đ – 1.350.000đ = 85.503.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi là 330.000.000đ + 85.503.000đ = 415.503.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

3. Buộc chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đăng H1 liên đới có trách nhiệm trả cho chị Tào Thị H tổng cả gốc và lãi là 330.000.000đ (gốc) + 85.503.000đ (lãi) =415.503.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng). Bị đơn có trách nhiệm trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đăng H1 liên đới phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 415.503.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu năm trăm linh ba nghìn đồng) là 20.775.150đ làm tròn số là 20.775.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Tào Thị H toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008458 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

6. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm cómặt chị Tào Thị H, chị Nguyễn Thị Th, vắng mặt anh Nguyễn Đăng H1. Chị H, chị Th có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;
-Chi cuc THSDS huyện BT
…..
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Yến Nguyễn Văn Đàn Trần Thị Quyên